

CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
TRUNG TÂM ĐIỀU TRA, QUY HOẠCH VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

BÁO CÁO THUYẾT MINH

**KẾT QUẢ RÀ SOÁT QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐIỀU TRA,
ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI THEO CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI**

*Nhiệm vụ “Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa
bàn tỉnh Gia Lai”*

Năm 2025

CỤC QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
TRUNG TÂM ĐIỀU TRA, QUY HOẠCH VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT

BÁO CÁO THUYẾT MINH
KẾT QUẢ RÀ SOÁT QUY TRÌNH KỸ THUẬT ĐIỀU TRA,
ĐÁNH GIÁ ĐẤT ĐAI THEO CÁC VĂN BẢN ĐÃ BAN HÀNH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

*Nhiệm vụ “Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa
bàn tỉnh Gia Lai”*

Ngày tháng năm 2025
TRUNG TÂM ĐIỀU TRA,
QUY HOẠCH VÀ ĐỊNH GIÁ ĐẤT
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Trang

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
NỘI DUNG.....	3
I. Rà soát nhiệm vụ điều tra đánh giá đất đai đã thực hiện trên địa tỉnh Gia Lai.....	3
II. Rà soát áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành.....	3
1. Quy định của Luật đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành.....	3
2. Thay đổi về quy trình kỹ thuật.....	4
2.1. Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.....	5
2.2. Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá thoái hoá đất.....	6
2.3. Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.....	6
III. Rà soát nội dung quy định tại Thông tư số 11/2024/TT- BTNMT với Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT.....	7
1. Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	8
2. Điều tra, đánh giá thoái hoá đất.....	15
3. Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	22
IV. Đề xuất phương án xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai	27
KẾT LUẬN.....	37
1. Kết luận.....	37
2. Kiến nghị.....	38

MỞ ĐẦU

Điều tra đánh giá đất đai là một hoạt động quan trọng nhằm cung cấp các số liệu định kỳ để theo dõi thường xuyên tình hình thực trạng chất lượng, tiềm năng đất đai, chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất,... và là cơ sở để dự báo các nguy cơ gây chất lượng đất, tiềm năng đất đai, ô nhiễm đất,... xác định mức độ tác động của con người, biến đổi khí hậu đến đất đai, làm rõ nhân tố và nguồn tác động, góp phần đề xuất các giải pháp phục vụ quản lý sử dụng đất bền vững, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 16/6/2022, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao.

Theo quy định của Luật Đất đai 2024 quy định các hoạt động về điều tra đánh giá đất đai bao gồm: Điều tra đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra đánh giá thoái hóa đất; điều tra đánh giá ô nhiễm đất (Khoản 1, Điều 22) và Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.

Trước khi Luật Đất đai năm 2024 được ban hành và có hiệu lực thi hành, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT ngày 26/11/2012 quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá thoái hóa đất; Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định việc điều tra, đánh giá đất đai; Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015 quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai, trong đó đã quy định quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh bao gồm quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai lần đầu và lần tiếp theo. Đồng thời, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT ngày 07/11/2016 ban hành định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai, trong đó quy định định mức kinh tế kỹ thuật cho cấp vùng, cấp tỉnh.

Tại khoản 2 Điều 26 Nghị định 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, trong đó quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) áp dụng đối với sản phẩm, dịch vụ công làm cơ sở ban hành đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ

công; tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công, thuộc phạm vi quản lý của địa phương. Tuy nhiên, UBND tỉnh Gia Lai chưa ban hành định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai theo quy định.

Xuất phát từ những vấn đề nêu trên việc triển khai thực hiện nhiệm vụ: “Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai” là rất cần thiết để tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng đơn giá dịch vụ công, triển khai thực hiện, thẩm định và quyết toán các công việc có liên quan tới công tác điều tra, đánh giá đất đai nhằm đưa công tác điều tra, đánh giá đất đai đi vào nề nếp, góp phần quản lý, sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn tài nguyên đất đai.

NỘI DUNG

I. Rà soát nhiệm vụ điều tra đánh giá đất đai đã thực hiện trên địa tỉnh Gia Lai

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 (tại các Điều 32, 33), Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các quy định về điều tra, đánh giá đất đai (Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 10/6/2014); quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai (Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015); quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá thoái hoá đất (Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT); định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai (ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT ngày 07/11/2016), theo đó Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai cấp vùng và cấp tỉnh, trong đó đã quy định các định mức về lao động, dụng cụ, vật liệu, thiết bị của các hoạt động điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá thoái hoá đất; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất và điều tra, phân hạng đất nông nghiệp áp dụng cho tỉnh trung bình. Đồng thời cũng quy định nguyên tắc áp dụng định mức thông qua các hệ số điều chỉnh về quy mô diện tích, mức độ khó khăn về địa hình, số đơn vị hành chính cấp huyện trực thuộc.

Thực hiện quy định Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Văn bản hướng dẫn số 5750/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 27/12/2014 của Tổng cục Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành kế hoạch triển khai thực hiện điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh trên cơ sở định mức điều tra, đánh giá đất đai cho tỉnh trung bình nhân (x) với hệ số điều chỉnh (hệ số điều chỉnh về quy mô diện tích điều tra, số đơn vị hành chính cấp huyện, mức độ khó khăn về địa hình) đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT, tuy nhiên đến nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai chưa ban hành và tổ chức thực hiện công tác điều tra, đánh giá đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai.

II. Rà soát áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật đã ban hành

1. Quy định của Luật đất đai và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành

- Phân kỳ điều tra, đánh giá đất đai: Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT không quy định phân kỳ điều tra, đánh giá đất đai, quy định thực hiện theo định kỳ 5 năm 1 lần; Thông tư số 35/2014/TT-BTNMT quy định phân kỳ điều tra, đánh giá đất đai bao gồm 02 kỳ (lần đầu và lần tiếp theo).

- Có sự thay đổi quy định về các hoạt động điều tra đánh giá đất đai, cụ thể:

Khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2024 quy định 05 hoạt động trong nội dung điều tra, đánh giá đất đai (bao gồm: (1) điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; (2) điều tra, đánh giá thoái hóa đất; (3) điều tra đánh giá ô nhiễm đất; (4) Quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, (5) Điều tra, đánh giá đất đai theo chuyên đề).

Khoản 1 Điều 32 Luật Đất đai năm 2013 quy định 6 hoạt động điều tra đánh giá đất đai có liên quan (bao gồm: (1) điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; (2) điều tra, đánh giá thoái hóa đất ô nhiễm đất; (3) điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; (4) thống kê, kiểm kê đất đai; (5) điều tra, thống kê giá đất; theo dõi biến động giá đất; (6) xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất).

- Thay đổi về đối tượng điều tra:

+ Tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT quy định đối tượng điều tra, đánh giá ô nhiễm đất là các loại đất thuộc khu vực có nguồn gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời tại khoản 3 Điều 22 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT quy định nguồn gây ô nhiễm cấp tỉnh là khu, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; khu khai thác, chế biến khoáng sản; bãi chứa chất thải y tế, rác thải sinh hoạt; khu nuôi trồng, chế biến thủy hải sản; khu vực canh tác sử dụng nhiều phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật; kho chứa thuốc bảo vệ thực vật; các nguồn ô nhiễm khác.

Tại Phụ lục 1.2 ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT quy định chỉ tiêu phân tích ô nhiễm đất gồm mẫu đất (gồm các chỉ tiêu kim loại nặng (Cd, Pb, Cu, Zn, As) và dư lượng hóa chất sử dụng trong nông nghiệp) và mẫu nước (gồm các chỉ tiêu PO_4^{3-} , NH_4^+ , BOD_5 , COD, Cd, Pb, Cu, Zn, As)

+ Tuy nhiên, tại điểm b khoản 3 Điều 4 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định đối tượng điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh là các loại đất có nguồn gây ô nhiễm, gồm: các loại đất nông nghiệp; đất chưa sử dụng (trừ đất núi đá không có rừng cây); đất được quy hoạch xây dựng khu dân cư đô thị, nông thôn.

Đồng thời, tại phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT đã quy định các nguồn gây ô nhiễm cấp tỉnh từ khu công nghiệp, cụm công nghiệp; khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề; khu khai thác, chế biến khoáng sản; khu bãi thải, xử lý chất thải và các nguồn gây ô nhiễm khác (nếu có). Cấp tỉnh thực hiện phân tích các chỉ tiêu kim loại nặng gồm Cu, Pb, Cd, As, Zn, Cr, Ni, Hg.

2. Thay đổi về quy trình kỹ thuật

Hiện nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai đã thực hiện công tác điều tra, đánh giá đất đai, vì vậy trong báo cáo này thực hiện việc so sánh quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai theo quy định của Luật Đất đai năm 2024 với quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai lần tiếp theo đã được ban hành theo quy định của Luật Đất đai năm 2013. Cụ thể như sau:

2.1. Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá đất đai

a) Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai

Quy trình thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần tiếp theo được quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT gồm 05 điều (từ Điều 36 đến Điều 40); tuy nhiên tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định thành 08 điều (từ Điều 09 đến Điều 16), trong đó:

- Thực hiện tách Điều 36 quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT thành các Điều 9, 10, 11 quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;
- Thực hiện tách Điều 37 quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT thành các Điều 12, 13 quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;
- Thực hiện tách Điều 38 quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT tương tự các nội dung công việc quy định tại Điều 14 quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;

Việc thay đổi quy trình thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai chi tiết tại bảng 1.

Bảng 1

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT		Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT	
Điều	Nội dung công việc	Điều	Nội dung công việc
Điều 9	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa phục vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 36	Điều tra bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ, xác định nội dung và kế hoạch điều tra bổ sung thực địa
Điều 10	Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập		
Điều 11	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa		
Điều 12	Điều tra, lấy mẫu đất phục vụ đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 37	Điều tra, khảo sát thực địa và xử lý tài liệu điều tra
Điều 13	Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp		
Điều 14	Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 38	Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT		Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT	
Điều	Nội dung công việc	Điều	Nội dung công việc
Điều 15	Phân tích đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất	Điều 39	Phân tích, đánh giá những thay đổi về chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ trước; đề xuất bổ sung các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và định hướng quản lý sử dụng đất bền vững
Điều 16	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 40	Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần tiếp theo

b) Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá thoái hoá đất

Quy trình thực hiện điều tra, đánh giá thoái hoá đất lần tiếp theo được quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT gồm 07 điều (từ Điều 21 đến Điều 27); tuy nhiên tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định thành 08 điều (từ Điều 17 đến Điều 24), trong đó:

- Thực hiện tách Điều 27 quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT thành các Điều 23, Điều 24 quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;

Việc thay đổi quy trình thực hiện điều tra, đánh giá thoái hoá đất chi tiết tại bảng 2.

Bảng 2

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT		Thông tư 14/2012/TT-BTNMT	
Điều	Nội dung công việc	Điều	Nội dung công việc
Điều 17	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ ngoài thực địa phục vụ điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Điều 21	Điều tra bổ sung các tài liệu, số liệu trên địa bàn so với kỳ điều tra thoái hóa trước
Điều 18	Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập	Điều 22	Đánh giá, lựa chọn các thông tin đã thu thập
Điều 19	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa	Điều 23	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa
Điều 20	Điều tra thực địa phục vụ đánh giá thoái hóa đất	Điều 24	Điều tra khảo sát thực địa
Điều 21	Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp	Điều 25	Tổng hợp, xử lý thông tin tài liệu nội và ngoại nghiệp
Điều 22	Xây dựng bản đồ thoái hóa đất	Điều 26	Xây dựng bản đồ thoái hóa đất kỳ bổ sung
Điều 23	Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân thoái hóa đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất	Điều 27	Đánh giá thoái hóa đất kỳ bổ sung
Điều 24	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất		

c) Các bước công việc thực hiện điều tra, đánh giá ô nhiễm đất

Quy trình thực hiện điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần tiếp theo được quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT gồm 05 điều (từ Điều 41 đến Điều 45); tuy nhiên tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định thành 08 điều (từ Điều 17 đến Điều 24), trong đó:

- Thực hiện tách Điều 41 quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT thành các Điều 23, 25, 27 quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;

- Thực hiện tách Điều 45 quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT thành các Điều 31 và Điều 32 quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT;

Việc thay đổi quy trình thực hiện điều tra, đánh giá ô nhiễm đất chi tiết tại bảng 3.

Bảng 3

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT		Thông tư 60/2015/TT-BTNMT	
Điều	Nội dung công việc	Điều	Nội dung công việc
Điều 25	Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa phục vụ điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	Điều 41	Thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ
Điều 26	Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập		
Điều 27	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa		
Điều 28	Điều tra, lấy mẫu phục vụ đánh giá ô nhiễm đất	Điều 42	Điều tra lấy mẫu đất, nước bổ sung tại thực địa
Điều 29	Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp	Điều 43	Tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã điều tra; xác định các điểm đất bị ô nhiễm và nguy cơ ô nhiễm
Điều 30	Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm	Điều 44	Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm lần tiếp theo
Điều 31	Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất	Điều 45	Xây dựng báo cáo đánh giá về thực trạng ô nhiễm đất và cảnh báo các khu vực đất có nguy cơ bị ô nhiễm lần tiếp theo
Điều 32	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất		

2.2. Rà soát nội dung quy định tại Thông tư số 11/2024/TT- BTNMT với Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT

Ngày 15/12/2015, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh, bao gồm các hoạt động: 1) điều tra đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; (2) điều tra đánh giá thoái hóa đất; (3) điều tra đánh giá ô nhiễm đất; (4) điều tra, phân hạng đất nông nghiệp.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2024, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai; kỹ thuật bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất kèm theo Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024.

Để có căn cứ xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai trước hết cần rà soát các nội dung về quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai theo quy định mới của Luật Đất đai 2024 và quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT ngày 15/12/2015. Cụ thể như sau:

a) Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai

- Có 28 hạng mục công việc quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT và Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT không thay đổi (bao gồm cả việc thay đổi thứ tự thực hiện các hạng mục công việc giữa các bước), gồm: Khoản 1, 2 Điều 9 Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa phục vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; khoản 1, 2, 3 Điều 10 Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập; khoản 1, 2, 3, 4 Điều 11 Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa; khoản 3, 4, 5 Điều 12 Điều tra, lấy mẫu đất phục vụ đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; khoản 2, 3, 4, 5 Điều 13 Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp; khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 14 Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 15 Phân tích thực trạng chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất; khoản 1, 2 Điều 16 Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.

- Có 07 nội dung công việc chưa được quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT, tuy nhiên được bổ sung tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT, gồm: khoản 3 Điều 9 Khảo sát sơ bộ để xác định hướng tuyến điều tra phục vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; khoản 1 Điều 12 Khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới

khoanh đất điều tra theo đặc điểm thổ nhưỡng và đặc điểm địa hình; điều tra, mô tả thông tin khoanh đất theo bản mô tả đã chuẩn bị; khoản 2 Điều 12 Xác định vị trí điểm điều tra phẫu diện tại thực địa, tọa độ điểm điều tra phẫu diện được xác định bằng thiết bị định vị; cập nhật bổ sung vị trí điểm điều tra phẫu diện lên bản đồ điều tra thực địa (nếu có sự thay đổi); thực hiện đo độ ẩm đất, pH đất bằng máy đo cầm tay; khoản 5 Điều 14 Khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, xử lý, cải tạo và phục hồi; khoản 7 Điều 14 Xây dựng dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; khoản 8 Điều 14 Cập nhật dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; khoản 3 Điều 16 Xây dựng báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết nhiệm vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai.

- Có 03 nội dung công việc đã được quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT, tuy nhiên Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT không quy định là nội dung điều tra khoanh đất, gồm: khoản 3 Điều 21 Nhân sao tài liệu, tổ chức hội thảo; khoản 4 Điều 21 Hoàn chỉnh tài liệu điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; khoản 6 Điều 21 Phục vụ nghiệm thu và bàn giao kết quả.

- Có 02 nội dung công việc được thay đổi thứ tự thực hiện: khoản 2 điều 19 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT được điều chỉnh thứ tự thực hiện, chuyển từ điểm c khoản 3 Điều 37 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT và khoản 1 Điều 13 chuyển một phần từ điểm b khoản 3 Điều 37 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Thay đổi thứ tự thực hiện hoặc bổ sung hoặc loại bỏ các hạng mục công việc. Chi tiết tại bảng 4.

Bảng 4

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
Điều 9		Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa phục vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 36		Điều tra bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ, xác định nội dung và kế hoạch điều tra bổ sung thực địa	
	1	Thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất đã thực hiện trên địa bàn, gồm: kết quả điều tra thực địa, dữ liệu trung gian, sản phẩm chính và hồ sơ tài liệu khác		1	Thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	
	2	Thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội và tình hình quản lý, sử dụng đất có liên quan đến chất lượng đất, tiềm năng đất đai trong vòng 5 năm trước thời điểm điều tra	Điều 37	3	c) Tổng hợp, xử lý phiếu điều tra	Điều chỉnh thứ tự thực hiện, chuyển từ điểm c khoản 3 Điều 37 TT 60
	3	Khảo sát sơ bộ để xác định hướng tuyến điều tra phục vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai				Bổ sung mới
Điều 10		Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập				
	1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập		2	Đánh giá, lựa chọn các thông tin tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập bổ sung	
	2	Lựa chọn những thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có thể sử dụng				

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	3	Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ				
Điều 11		Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa				
	1	Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa				
	2	Thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra; tạo lập bảng cơ sở dữ liệu phục vụ nhập thông tin kết quả điều tra thực địa		3	Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa	
	3	Chuẩn bị bản mô tả khoanh đất điều tra, bản tả phần diện đất				
	4	Xây dựng báo cáo kế hoạch điều tra thực địa				
Điều 12		Điều tra, lấy mẫu đất phục vụ đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 37		Điều tra, khảo sát thực địa và xử lý tài liệu điều tra	
	1	Khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra theo đặc điểm thổ nhưỡng và đặc điểm địa hình; điều tra, mô tả thông tin khoanh đất theo bản mô tả đã chuẩn bị				Bổ sung mới
	2	Xác định vị trí điểm điều tra phần diện tại thực địa, tọa độ điểm điều tra phần diện được xác định bằng thiết bị định vị; cập nhật bổ sung vị trí điểm điều tra phần diện lên bản đồ điều tra thực địa (nếu có sự thay đổi); thực hiện đo độ ẩm đất, pH đất bằng máy đo cầm tay				Bổ sung mới
	3	Điều tra phần diện đất	Điều 37	1	Điều tra lấy mẫu đất bổ sung	

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
				2	Điều tra bổ sung sự thay đổi tình hình sử dụng đất so với kỳ điều tra, đánh giá trước theo mẫu phiếu điều tra bổ sung	
	4	Rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng cơ sở dữ liệu điều tra đã tạo lập		2	Điều tra bổ sung sự thay đổi tình hình sử dụng đất so với kỳ điều tra, đánh giá trước theo mẫu phiếu điều tra bổ sung	
	5	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, lấy mẫu đất tại thực địa		3	d) Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã điều tra	
Điều 13		Tổng hợp, xử lý thông tin nội nghiệp và ngoại nghiệp		3	Tổng hợp, xử lý thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	
	1	Tổng hợp, xử lý kết quả điều tra		3	b) Tổng hợp bảng biểu số liệu phục vụ xây dựng bản đồ chất lượng đất và bản đồ tiềm năng đất đai	Điều chỉnh thứ tự thực hiện, chuyển một phần từ điểm b khoản 3 Điều 37 TT 60
	2	Phân tích mẫu đất		3	a) Phân tích mẫu đất	
	3	Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá chất lượng đất		3	b) Tổng hợp bảng biểu số liệu phục vụ xây dựng bản đồ chất lượng đất và bản đồ tiềm năng đất đai	
	4	Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá tiềm năng đất đai cho các loại đất hiện trạng và định hướng sử dụng đất				
	5	Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp		3	d) Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã điều tra	

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
Điều 14		Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 38		Xây dựng bản đồ chất lượng đất, tiềm năng đất đai	
	1	Chuẩn hóa các yếu tố nền bản đồ chất lượng đất, bản đồ tiềm năng đất đai				
	2	Tạo lập các lớp thông tin và trường thông tin dữ liệu thuộc tính trong mỗi lớp thông tin chuyên đề				
	3	Xây dựng lớp thông tin loại đất				
	4	Xây dựng bản đồ chất lượng đất				
	5	Khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, xử lý, cải tạo và phục hồi				Bổ sung mới
	6	Xây dựng bản đồ tiềm năng đất đai				
	7	Xây dựng dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai				Bổ sung mới
	8	Cập nhật dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				Bổ sung mới
Điều 15		Phân tích thực trạng chất lượng đất, tiềm năng đất đai, đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất	Điều 39		Phân tích, đánh giá những thay đổi về chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ trước; đề xuất bổ sung các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất và định hướng quản lý sử dụng đất bền vững	
	1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá chất lượng đất		1	Phân tích, đánh giá thực trạng chất lượng đất, tiềm năng đất đai theo mục đích sử dụng	
	2	Tổng hợp, phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai				

Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	3	Phân tích, đánh giá xu thế biến đổi chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ điều tra trước đối với địa bàn đã thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai		2	Phân tích, đánh giá xu thế biến đổi chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ trước	
	4	Đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất		3	Đề xuất bổ sung các giải pháp cải tạo, bảo vệ đất, quản lý sử dụng đất	
	5	Xây dựng báo cáo chuyên đề đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai				
Điều 16		Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai	Điều 40		Xây dựng báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần tiếp theo	
	1	Xây dựng các phụ lục, bản đồ thu nhỏ đính kèm báo cáo		1	Xây dựng các phụ lục, bản đồ thu nhỏ đính kèm báo cáo	
	2	Biên soạn báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai		2	Biên soạn báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần tiếp theo	
	3	Xây dựng báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết nhiệm vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai				Bổ sung mới
				3	Nhân sao tài liệu, tổ chức hội thảo	Loại bỏ
				4	Hoàn chỉnh tài liệu điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần tiếp theo	Loại bỏ
				5	Nghiệm thu và bàn giao kết quả	Loại bỏ

b) Điều tra, đánh giá thoái hóa đất

- Có 24 hạng mục công việc quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT và Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT không thay đổi (bao gồm cả việc thay đổi thứ tự thực hiện các hạng mục công việc giữa các bước), gồm: khoản 1, 2 Điều 17 Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ ngoài thực địa phục vụ điều tra, đánh giá thoái hóa đất; khoản 1, 2 Điều 18 Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập; khoản 1 Điều 19 Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa; khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều tra thực địa phục vụ đánh giá thoái hóa đất; khoản 1, 2, 3 Điều 21 Tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp; khoản 1, 3, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 22 Xây dựng bản đồ thoái hóa đất; khoản 1, 2, 3 Điều 23 Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân thoái hóa đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất; Điều 24 Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất;

- Có 12 nội dung công việc chưa được quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT, tuy nhiên được bổ sung tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT, gồm: khoản 1 Điều 17: Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất; kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất đã thực hiện trên địa bàn gồm: kết quả điều tra thực địa, dữ liệu trung gian, sản phẩm chính và hồ sơ tài liệu khác; khoản 3 Điều 18 Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ; khoản 2, 3, 4 Điều 19 Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa; khoản 4, 7 Điều 20 Đối với địa bàn đã thực hiện điều tra, đánh giá thoái hóa đất thì xác định sự thay đổi hiện trạng sử dụng đất và các khu vực thoái hóa theo từng loại hình thoái hóa: điều tra xác định khu vực thoái hóa đất mới, các loại hình thoái hóa đã bị thay đổi mức độ thoái hóa gồm điều tra khoanh vẽ tại thực địa nhằm chỉnh lý ranh giới các khoanh đất được xác định có sự thay đổi về mức độ thoái hóa lên bản đồ điều tra thực địa, mô tả thông tin điều tra các loại hình thoái hóa vào bản mô tả đã chuẩn bị, Xây dựng báo cáo kết quả điều tra thực địa; khoản 2, 4, 12, 13, 14 Điều 22 Xây dựng bản đồ thoái hóa đất; khoản 4 Điều 23 Xây dựng báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất;

- Có 02 nội dung công việc đã được quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT, tuy nhiên Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT không quy định, gồm: Điều tra lấy mẫu đất và Phân tích mẫu đất.

- Có 01 nội dung công việc được thay đổi thứ tự thực hiện khoản 3 điều 17 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT được Điều chỉnh thứ tự thực hiện, chuyển từ khoản 2 Điều 13 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Thay đổi thứ tự thực hiện hoặc bổ sung hoặc loại bỏ các hạng mục công việc được thể hiện chi tiết tại bảng 5.

Bảng 5

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 14/2012/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
Điều 17		Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ ngoài thực địa phục vụ điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Điều 21		Điều tra bổ sung các tài liệu, số liệu trên địa bàn so với kỳ điều tra thoái hóa trước	
	1	Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất; kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất đã thực hiện trên địa bàn gồm: kết quả điều tra thực địa, dữ liệu trung gian, sản phẩm chính và hồ sơ tài liệu khác				Bổ sung mới
	2	Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội và tình hình quản lý, sử dụng đất có liên quan đến thoái hóa đất		1	Nhóm các tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và thoái hóa đất	
				2	Nhóm các tài liệu, số liệu, bản đồ về kinh tế xã hội và tình hình quản lý, sử dụng đất, cảnh quan môi trường	
	3	Khảo sát sơ bộ tại thực địa				Điều chỉnh thứ tự thực hiện, chuyển từ khoản 2 Điều 13 TT 14
Điều 18		Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập	Điều 22		Đánh giá, lựa chọn các thông tin đã thu thập	
	1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập theo quy định		1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá về tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin đã thu thập	
	2	Lựa chọn những thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có thể sử dụng		2	Lựa chọn thông tin và các loại bản đồ chuyên đề có thể sử dụng	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 14/2012/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	3	Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ				Bổ sung mới
Điều 19		Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa	Điều 23		Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa	
	1	Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa		1	Chuyển nội dung chuyên môn từ các bản đồ chuyên đề thu thập được và thông tin đã thu thập lên bản đồ nền địa hình, gồm: bản đồ hiện trạng sử dụng đất và thông tin về hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp; bản đồ đất và thông tin về thổ nhưỡng; bản đồ khí hậu và thông tin về các yếu tố khí hậu; bản đồ thủy lợi, thủy văn nước mặt và các thông tin về thủy lợi, thủy văn nước mặt	
	2	Thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra; tạo lập bảng cơ sở dữ liệu phục vụ nhập thông tin kết quả điều tra thực địa				Bổ sung mới
	3	Chuẩn bị bản mô tả kết quả điều tra các loại hình thoái hóa				Bổ sung mới
	4	Xây dựng báo cáo kế hoạch điều tra thực địa				Bổ sung mới
Điều 20		Điều tra thực địa phục vụ đánh giá thoái hóa đất	Điều 24		Điều tra khảo sát thực địa	
	1	Khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra theo các đặc điểm về thổ nhưỡng, địa hình, chế độ nước, loại đất, loại hình sử dụng đất, tỷ lệ che phủ đất, phương thức canh tác bảo vệ đất và các đặc trưng của các loại hình thoái hóa lên bản đồ điều tra thực địa		1	Điều tra bổ sung sự thay đổi hiện trạng sử dụng đất với kỳ điều tra thoái hóa trước; tham vấn ý kiến chuyên gia, các nhà quản lý địa phương và điều tra tình hình sử dụng đất nông nghiệp: loại sử dụng đất nông nghiệp, phương thức sử	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 14/2012/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	2	Xác định vị trí điểm điều tra thoái hóa tại thực địa: vị trí các điểm điều tra này trùng với vị trí điểm điều tra phẫu diện.			dụng đất, các biện pháp kỹ thuật bảo vệ đất	
	3	Điều tra các loại hình thoái hóa và mô tả kết quả điều tra vào bản mô tả đã chuẩn bị				
	4	Đối với địa bàn đã thực hiện điều tra, đánh giá thoái hóa đất thì xác định sự thay đổi hiện trạng sử dụng đất và các khu vực thoái hóa theo từng loại hình thoái hóa: điều tra xác định khu vực thoái hóa đất mới, các loại hình thoái hóa đã bị thay đổi mức độ thoái hóa gồm điều tra khoanh vẽ tại thực địa nhằm chỉnh lý ranh giới các khoanh đất được xác định có sự thay đổi về mức độ thoái hóa lên bản đồ điều tra thực địa, mô tả thông tin điều tra các loại hình thoái hóa vào bản mô tả đã chuẩn bị.		2	Điều tra khảo sát thực địa các khu vực thoái hóa theo từng loại hình thoái hóa	Bổ sung mới nội dung đo độ ẩm, pH đất bằng máy cầm tay
	5	Chụp ảnh minh họa cảnh quan khu vực, điểm điều tra; thực hiện đo độ ẩm đất, pH đất bằng máy đo cầm tay				
	6	Rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra đã tạo lập				
	7	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra thực địa				Bổ sung mới
				3	Điều tra, lấy mẫu đất bổ sung	Loại bỏ
Điều 21		Tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Điều 25		Tổng hợp, xử lý thông tin tài liệu nội và ngoại nghiệp	
	1	Tổng hợp, xử lý kết quả điều tra		2	Tổng hợp bảng biểu số liệu phục vụ xây dựng bản đồ thoái hóa đất và đánh giá thoái hóa đất kỳ bổ sung	
	2	Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá thoái hóa đất				

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 14/2012/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	3	Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp		3	Xây dựng báo cáo kết quả điều tra nội, ngoại nghiệp	
				1	Phân tích mẫu đất bổ sung	Loại bỏ
Điều 22		Xây dựng bản đồ thoái hóa đất	Điều 26		Xây dựng bản đồ thoái hóa đất kỳ bổ sung	
	1	Chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ thoái hóa đất	Điều 12	2	Xử lý, tổng hợp, chỉnh lý các loại bản đồ chuyên đề: bản đồ đất; bản đồ khí hậu; bản đồ thủy lợi, thủy văn nước mặt	Điều chỉnh thứ tự thực hiện nội dung từ khoản 2 Điều 12 TT 14
	2	Tạo lập các lớp thông tin và trường thông tin dữ liệu thuộc tính trong mỗi lớp thông tin chuyên đề theo cấu trúc, kiểu thông tin	Điều 12	3	Thiết kế các trường thông tin lưu trữ dữ liệu thuộc tính theo các thông tin chuyên đề đã thu thập	Bổ sung mới
	3	Xây dựng lớp thông tin loại đất	Điều 26	2	. Xây dựng bản đồ loại sử dụng đất nông nghiệp kỳ bổ sung	Điều chỉnh thứ tự thực hiện nội dung từ khoản 2 Điều 26 TT 14
	4	Rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra trong lớp thông tin khoanh đất của bản đồ điều tra thực địa				Bổ sung mới
	5	Xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì		3	Xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì kỳ bổ sung	
	6	Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn		4	Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn do mưa kỳ bổ sung ⁽¹⁾	
	7	Xây dựng bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa		5	Xây dựng bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa kỳ bổ sung	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 14/2012/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	8	Xây dựng bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa		6	Xây dựng bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa kỳ bổ sung	
	9	Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa		7	Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa, phèn hóa kỳ bổ sung ⁽²⁾	Tách nội dung từ khoản 7 Điều 26 TT 14
	10	Xây dựng bản đồ đất bị phèn hóa				
	11	Xây dựng bản đồ thoái hóa đất		8	Xây dựng bản đồ thoái hóa đất kỳ bổ sung	
	12	Khoanh vùng các khu vực đất bị thoái hóa cần xử lý, cải tạo và phục hồi				Bổ sung mới
	13	Xây dựng dữ liệu thoái hóa đất				Bổ sung mới
	14	Cập nhật dữ liệu thoái hóa đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				Bổ sung mới
Điều 23		Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân thoái hóa đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất	Điều 27		Đánh giá thoái hóa đất kỳ bổ sung	
	1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thoái hóa đất		1	Thống kê diện tích đất bị thoái hóa theo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia	
				2	Đánh giá thoái hóa đất theo loại hình thoái hóa và loại đất thoái hóa	
	2	Xác định xu hướng, nguyên nhân và dự báo nguy cơ thoái hóa đất		3	So sánh kết quả thoái hóa đất kỳ bổ sung với thoái hóa đất kỳ trước	
				4	Phân tích và đánh giá xu hướng, nguyên nhân thoái hóa đất trong những năm trước và đề xuất giải pháp giảm thiểu thoái hóa đất	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 14/2012/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	3	Đề xuất các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất		5	Đánh giá kết quả quản lý, sử dụng, bảo vệ và cải tạo đất bị thoái hóa kỳ trước, xác định nguyên nhân, xu hướng thoái hóa đất hiện tại và đề xuất giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất	
	4	Xây dựng báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất				Bổ sung mới
Điều 24		Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất	Điều 27	6	Xây dựng báo cáo tổng hợp và tổng kết dự án	

c) Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất

- Có 20 hạng mục công việc quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT và Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT không thay đổi (bao gồm cả việc thay đổi thứ tự thực hiện các hạng mục công việc giữa các bước), gồm: khoản 1, 3 Điều 25 Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa phục vụ điều tra, đánh giá ô nhiễm đất; khoản 1, 2, 3 Điều 26 Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập; khoản 1, 2, 3 Điều 27 Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa; Điều 28 Đối với điều tra, đánh giá ô nhiễm cấp tỉnh; khoản 1, 2, 3 Điều 29 Tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp; khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 30 Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm; khoản 1, 2, 3 Điều 31 Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất; khoản 1, 2 Điều 32 Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất;

- Có 09 nội dung công việc chưa được quy định tại Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT, tuy nhiên được bổ sung tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT, gồm: khoản 5 Điều 25 Khảo sát sơ bộ để xác định hướng tuyến điều tra; khoản 3 Điều 26 Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin tài liệu, số liệu, bản đồ; khoản 3 Điều 27 Chuẩn bị bản mô tả kết quả điều tra, phiếu lấy mẫu đất; khoản 4 Điều 27 xây dựng báo cáo kế hoạch điều tra thực địa; khoản 4 Điều 29 Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp; khoản 6 Điều 30 Khoanh vùng các khu vực đất bị ô nhiễm cần thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi; khoản 7 Điều 30 Xây dựng dữ liệu ô nhiễm đất; khoản 8 Điều 30 Cập nhật dữ liệu về ô nhiễm đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; khoản 3 Điều 32 Xây dựng báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết nhiệm vụ;

- Thay đổi thứ tự thực hiện hoặc bổ sung hoặc loại bỏ các hạng mục công việc được thể hiện chi tiết tại bảng 6.

Bảng 6

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
Điều 25		Thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ và khảo sát sơ bộ tại thực địa phục vụ điều tra, đánh giá ô nhiễm đất	Điều 41		Thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	
	1	Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội; tình hình quản lý và sử dụng đất có liên quan đến ô nhiễm đất		1	Thu thập bổ sung thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ	
	3	Thu thập nhóm thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ liên quan đến ô nhiễm đất đối với điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh				
	5	Khảo sát sơ bộ để xác định hướng tuyến điều tra				Bổ sung mới
Điều 26		Đánh giá, lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập				
	1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập		2	Đánh giá lựa chọn các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập bổ sung	
	2	Lựa chọn những thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có thể sử dụng				
	3	Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ				Bổ sung mới
Điều 27		Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa				
	1	Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa		3	Lập kế hoạch điều tra lấy mẫu đất bổ sung tại thực địa	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
	2	Thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra; tạo lập bảng dữ liệu phục vụ nhập thông tin kết quả điều tra thực địa				
	3	Chuẩn bị bản mô tả kết quả điều tra, phiếu lấy mẫu đất				Bổ sung mới
	4	Xây dựng báo cáo kế hoạch điều tra thực địa.				Bổ sung mới
Điều 28	2	Điều tra lấy mẫu phục vụ đánh giá ô nhiễm đất	Điều 42		Điều tra lấy mẫu đất, nước bổ sung tại thực địa	
Điều 29		Tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp	Điều 43		Tổng hợp thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã điều tra; xác định các điểm đất bị ô nhiễm và nguy cơ ô nhiễm	
	1	Tổng hợp, xử lý sau điều tra thực địa	Điều 26	1	Tổng hợp, xử lý thông tin tài liệu nội nghiệp và ngoại nghiệp	
	2	Phân tích mẫu đất	Điều 26	2	Phân tích mẫu đất, mẫu nước	
	3	Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá ô nhiễm đất	Điều 26	1	Tổng hợp, xử lý thông tin tài liệu nội nghiệp và ngoại nghiệp	
	4	Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp				Bổ sung mới
Điều 30		Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm	Điều 44		Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm lần tiếp theo	
	1	Chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ đất bị ô nhiễm	Điều 26	3	Chuẩn bị bản đồ nền phục vụ xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm	
	2	Tạo lập các lớp thông tin và trường thông tin dữ liệu thuộc tính trong mỗi lớp thông tin chuyên đề		4	Thiết kế các trường thông tin lưu trữ dữ liệu thuộc tính trong mỗi lớp thông tin theo định dạng tương ứng với phân cấp bản đồ chuyên đề. Nội dung và cấu trúc dữ liệu theo quy định tại	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
					Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này	
	3	Xây dựng lớp thông tin loại đất	Điều 27	1	Nhập thông tin thuộc tính theo các lớp thông tin đã thiết kế tại Khoản 4 Điều 26 Thông tư này đến từng điểm lấy mẫu đất hoặc khoanh đất	
	4	Rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra trong lớp thông tin khoanh đất của bản đồ điều tra thực địa	Điều 44	1	Đối với các khu vực đã được điều tra, đánh giá ô nhiễm kỳ trước, thực hiện chỉnh lý bản đồ đất bị ô nhiễm	
	5	Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm	Điều 27	4	Xây dựng hệ thống chú dẫn và biên tập	
			Điều 27	5	Xác định các điểm đất bị ô nhiễm và nguy cơ ô nhiễm trên bản đồ đất bị ô nhiễm	
			Điều 27	6	Xây dựng báo cáo thuyết minh bản đồ các khu vực đất bị ô nhiễm	
	6	Khoanh vùng các khu vực đất bị ô nhiễm cần thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi				Bổ sung mới
	7	Xây dựng dữ liệu ô nhiễm đất				Bổ sung mới
	8	Cập nhật dữ liệu về ô nhiễm đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai				Bổ sung mới
Điều 31		Phân tích đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất, đề xuất giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất	Điều 45		Xây dựng báo cáo đánh giá về thực trạng ô nhiễm đất và cảnh báo các khu vực đất có nguy cơ bị ô nhiễm lần tiếp theo	
	1	Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất		1	Xây dựng hệ thống bảng số liệu ô nhiễm đất	

Thông tư 11/2024/TT-BTNMT			Thông tư 60/2015/TT-BTNMT (kỳ tiếp theo)			Ghi chú
Điều	Khoản	Nội dung công việc	Điều	Khoản	Nội dung công việc	
				2	Phân tích, đánh giá thực trạng ô nhiễm đất; đánh giá kết quả thực hiện các biện pháp cải tạo đất bị ô nhiễm kỳ trước	
	2	Cảnh báo, dự báo nguy cơ ô nhiễm đất.		3	Cảnh báo những khu vực đất bị ô nhiễm hoặc có nguy cơ ô nhiễm mới phát sinh	
	3	Đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm đất		4	Đề xuất các giải pháp, biện pháp cải tạo và bảo vệ đất	
Điều 32		Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất				
	1	Xây dựng các phụ lục, bản đồ thu nhỏ đính kèm báo cáo		5	Xây dựng các phụ lục, bản đồ thu nhỏ đính kèm báo cáo	
	2	Biên soạn báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất		6	Biên soạn báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất lần tiếp theo	
	3	Xây dựng báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết nhiệm vụ				Bổ sung mới

* Đối với định mức lao động, dụng cụ lao động, tiêu hao dụng cụ lao động; tiêu hao vật liệu; tiêu hao năng lượng; tiêu hao nhiên liệu; sử dụng máy móc thiết bị sử dụng phân tích mẫu đất

Ngày 31/12/2024, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 50/2024/TT-BTNMT quy định định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai cả nước và cấp vùng, trong đó đã quy định định mức lao động, dụng cụ lao động, tiêu hao dụng cụ lao động; tiêu hao vật liệu; tiêu hao năng lượng; tiêu hao nhiên liệu; sử dụng máy móc, thiết bị sử dụng phân tích mẫu đất quy định tại bảng 5, bảng 8, bảng 11, bảng 13, bảng 16, bảng 17, bảng 27, bảng 30, bảng 33, bảng 35, bảng 39 áp dụng cho 01 chỉ tiêu phân tích mẫu đất trong điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá thoái hoá đất; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.

Căn cứ các khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 29 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT cho thấy các chỉ tiêu phân tích mẫu đất trong điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh tương tự các chỉ tiêu phân tích mẫu đất trong điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá thoái hoá đất; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp vùng.

III. Đề xuất phương án xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Qua kết quả rà soát, phân tích xác định các nội dung kế thừa từ các bước công việc điều tra đánh giá đất đai, phương án xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật điều tra đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh phố Hải Phòng được đề xuất cụ thể như sau:

1. Kế thừa quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT đối với những nội dung công việc trong hoạt động điều tra, đánh giá đất đai theo Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT có nội dung tương tự được quy trình kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT sẽ được áp dụng định mức tương đương. Cụ thể như sau:

* Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai:

- Khoản 1 Điều 9 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai; kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất đã thực hiện trên địa bàn, gồm: kết quả điều tra thực địa, dữ liệu trung gian, sản phẩm chính và hồ sơ tài liệu khác): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thu thập các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội và tình hình quản lý, sử dụng đất có liên quan đến chất lượng đất, tiềm năng đất đai trong vòng 5 năm trước thời điểm điều tra): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 9 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Khảo sát sơ bộ để xác định hướng tuyến điều tra phục vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2; 3 Điều 10 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Lựa chọn những thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có thể sử dụng; Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 11 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra; tạo lập bảng cơ sở dữ liệu phục vụ nhập thông tin kết quả điều tra thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5, 6 Điều 15 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn bị bản mô tả khoanh đất điều tra, bản tả phễu diện đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 11 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kế hoạch điều tra thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5 Điều 14 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1, 2 Điều 12 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra theo đặc điểm thổ nhưỡng và đặc điểm địa hình; điều tra, mô tả thông tin khoanh đất theo bản mô tả đã chuẩn bị; Xác định vị trí điểm điều tra phễu diện tại thực địa, tọa độ điểm điều tra phễu diện được xác định bằng thiết bị định vị; cập nhật bổ sung vị trí điểm điều tra phễu diện lên bản đồ điều tra thực địa (nếu có sự thay đổi); thực hiện đo độ ẩm đất, pH đất bằng máy đo cầm tay): áp dụng tương

tự quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Điều tra phẫu diện đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 15 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng cơ sở dữ liệu điều tra đã tạo lập): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 15 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, lấy mẫu đất tại thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 7 Điều 15 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 13 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Phân tích mẫu đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 13 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá chất lượng đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5 Điều 17 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 9 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá tiềm năng đất đai cho các loại đất hiện trạng và định hướng sử dụng đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 6 Điều 17 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 5 Điều 13 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp): áp dụng tương tự quy định tại khoản 7 Điều 17 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 14 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn hóa các yếu tố nền bản đồ chất lượng đất, bản đồ tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 17 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tạo lập các lớp thông tin và trường thông tin dữ liệu thuộc tính trong mỗi lớp thông tin chuyên đề): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng lớp thông tin loại đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1d Điều 18 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ chất lượng đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 18 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 6 Điều 14 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 18 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá chất lượng đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 19 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 15 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 15 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Phân tích, đánh giá xu thế biến đổi chất lượng đất, tiềm năng đất đai so với kỳ điều tra trước đối với địa bàn đã thực hiện điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 39 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 15 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Đề xuất các giải pháp bảo vệ, cải tạo đất): áp dụng tương tự quy định tại Điều 20 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 5 Điều 15 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo chuyên đề đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 19 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 16 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng các phụ lục, bản đồ thu nhỏ đính kèm báo cáo): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 16 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Biên soạn báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 21 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 16 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết nhiệm vụ điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT.

* Điều tra, đánh giá thoái hóa đất:

- Khoản 2 Điều 17 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội và tình hình quản lý, sử dụng đất có liên quan đến thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 17 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Khảo sát sơ bộ tại

thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập theo quy định): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 22 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Lựa chọn những thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có thể sử dụng): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 22 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 19 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Khoanh vùng, xác định vị trí khoanh đất điều tra; rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra theo các đặc điểm về thổ nhưỡng, địa hình, chế độ nước, loại đất, loại hình sử dụng đất, tỷ lệ che phủ đất, phương thức canh tác bảo vệ đất và các đặc trưng của các loại hình thoái hóa lên bản đồ điều tra thực địa; Xác định vị trí điểm điều tra thoái hóa tại thực địa: vị trí các điểm điều tra này trùng với vị trí điểm điều tra phẫu diện; Điều tra các loại hình thoái hóa và mô tả kết quả điều tra vào bản mô tả đã chuẩn bị): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 4, 5, 6 Điều 20 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Đối với địa bàn đã thực hiện điều tra, đánh giá thoái hóa đất thì xác định sự thay đổi hiện trạng sử dụng đất và các khu vực thoái hóa theo từng loại hình thoái hóa: điều tra xác định khu vực thoái hóa đất mới, các loại hình thoái hóa đã bị thay đổi mức độ thoái hóa gồm điều tra khoanh vẽ tại thực địa nhằm chỉnh lý ranh giới các khoanh đất được xác định có sự thay đổi về mức độ thoái hóa lên bản đồ điều tra thực địa, mô tả thông tin điều tra các loại hình thoái hóa vào bản mô tả đã chuẩn bị; Chụp ảnh minh họa cảnh quan khu vực, điểm điều tra; thực hiện đo độ ẩm đất, pH đất bằng máy đo cầm tay; Rà soát, cập nhật kết quả điều tra thực địa vào bảng dữ liệu điều tra đã tạo lập): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 1, 2 Điều 21 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, xử lý kết quả điều tra; Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 25 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 21 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp): áp dụng tương tự quy

định tại khoản 3 Điều 25 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 12 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng lớp thông tin loại đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 5 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ đất bị suy giảm độ phì): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 6 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ đất bị xói mòn): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 7 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ đất bị khô hạn, hoang mạc hóa, sa mạc hóa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 8 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ đất bị kết von, đá ong hóa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 6 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 9, 10 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ đất bị mặn hóa; Xây dựng bản đồ đất bị phèn hóa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 7 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 11 Điều 22 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 8 Điều 26 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 23 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 27 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 23 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xác định xu hướng, nguyên nhân và dự báo nguy cơ thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3, 4 Điều 27 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 23 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Đề xuất các giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5 Điều 27 Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT;

- Điều 14 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 6 Điều 27

Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT.

* Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất:

- Khoản 1 Điều 25 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên; kinh tế - xã hội; tình hình quản lý và sử dụng đất có liên quan đến ô nhiễm đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 22 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 25 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thu thập nhóm thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ liên quan đến ô nhiễm đất đối với điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 22 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 26 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá tính chính xác, khách quan, thời sự của thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ đã thu thập): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 26 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Lựa chọn những thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ có thể sử dụng): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 26 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 23 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 27 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn bị bản đồ điều tra thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 24 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2, 3 Điều 27 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Thống kê số lượng khoanh đất và đặc trưng của khoanh đất điều tra; tạo lập bảng dữ liệu phục vụ nhập thông tin kết quả điều tra thực địa; Chuẩn bị bản mô tả kết quả điều tra, phiếu lấy mẫu đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 27 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng báo cáo kế hoạch điều tra thực địa.): áp dụng tương tự quy định tại khoản 5 Điều 24 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Điều 28 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Đối với điều tra, đánh giá ô nhiễm cấp tỉnh): áp dụng tương tự quy định tại Điều 25 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1, 3 Điều 29 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, xử lý

sau điều tra thực địa; Tổng hợp, xử lý thông tin phục vụ đánh giá ô nhiễm đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 29 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Phân tích mẫu đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2 Điều 26 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 30 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Chuẩn hóa các yếu tố nền của bản đồ đất bị ô nhiễm): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 26 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 30 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tạo lập các lớp thông tin và trường thông tin dữ liệu thuộc tính trong mỗi lớp thông tin chuyên đề): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 26 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 3 Điều 30 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng lớp thông tin loại đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 27 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 4 Điều 30 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Rà soát, chỉnh lý ranh giới khoanh đất điều tra trong lớp thông tin khoanh đất của bản đồ điều tra thực địa): áp dụng tương tự quy định tại khoản 2b Điều 27 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 5 Điều 30 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng bản đồ đất bị ô nhiễm): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4, 5, 6 Điều 27 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 31 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Tổng hợp, phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân ô nhiễm đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 31 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Cảnh báo, dự báo nguy cơ ô nhiễm đất.): áp dụng tương tự quy định tại khoản 1 Điều 28 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 1 Điều 32 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Xây dựng các phụ lục, bản đồ thu nhỏ đính kèm báo cáo): áp dụng tương tự quy định tại khoản 3 Điều 29 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT;

- Khoản 2 Điều 32 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT (Biên soạn báo cáo tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá ô nhiễm đất): áp dụng tương tự quy định tại khoản 4 Điều 29 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT.

Từ những lý do trên, các nội dung có quy trình thực hiện tương tự đề xuất

được áp dụng tương tự định mức lao động đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT.

2. Đối với những nội dung công việc trong hoạt động điều tra, đánh giá đất đai theo Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT được bổ sung mới sẽ được tính mức dựa vào việc tham khảo, so sánh với các định mức hiện có; phân tích chi tiết từng yếu tố công việc, dựa vào điều kiện thực tế của địa bàn tỉnh Gia Lai để đưa ra mức phù hợp. Cụ thể như sau:

* Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai:

- Khoản 1 Điều 13 Tổng hợp, xử lý kết quả điều tra;
- Khoản 5 Điều 14 Khoanh vùng các khu vực đất cần bảo vệ, xử lý, cải tạo và phục hồi;
- Khoản 7 Điều 14 Xây dựng dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai;
- Khoản 8 Điều 14 Cập nhật dữ liệu về chất lượng đất, tiềm năng đất đai vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

* Điều tra, đánh giá thoái hóa đất:

- Khoản 1 Điều 17: Thu thập nhóm các thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ về kết quả điều tra, đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất; kết quả quan trắc chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất đã thực hiện trên địa bàn gồm: kết quả điều tra thực địa, dữ liệu trung gian, sản phẩm chính và hồ sơ tài liệu khác;

- Khoản 3 Điều 18 Xây dựng báo cáo kết quả thu thập thông tin, tài liệu, số liệu, bản đồ;

- Khoản 2, 3, 4 Điều 19 Xác định nội dung và kế hoạch điều tra thực địa;

- Khoản 4, 7 Điều 20 Đối với địa bàn đã thực hiện điều tra, đánh giá thoái hóa đất thì xác định sự thay đổi hiện trạng sử dụng đất và các khu vực thoái hóa theo từng loại hình thoái hóa: điều tra xác định khu vực thoái hóa đất mới, các loại hình thoái hóa đã bị thay đổi mức độ thoái hóa gồm điều tra khoanh vẽ tại thực địa nhằm chỉnh lý ranh giới các khoanh đất được xác định có sự thay đổi về mức độ thoái hóa lên bản đồ điều tra thực địa, mô tả thông tin điều tra các loại hình thoái hóa vào bản mô tả đã chuẩn bị, Xây dựng báo cáo kết quả điều tra thực địa;

- Khoản 3, 4, 12, 13, 14 Điều 22 Xây dựng bản đồ thoái hóa đất;

- Khoản 4 Điều 23 Xây dựng báo cáo chuyên đề điều tra, đánh giá thoái hóa đất;

* Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất:

- Khoản 5 Điều 25 Khảo sát sơ bộ để xác định hướng tuyến điều tra;

- Khoản 4 Điều 29 Xây dựng báo cáo kết quả tổng hợp, xử lý thông tin nội và ngoại nghiệp;

- Khoản 6 Điều 30 Khoanh vùng các khu vực đất bị ô nhiễm cần thực hiện xử lý, cải tạo và phục hồi;

- Khoản 7 Điều 30 Xây dựng dữ liệu ô nhiễm đất;

- Khoản 8 Điều 30 Cập nhật dữ liệu về ô nhiễm đất vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo quy định của pháp luật về cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

- Khoản 3 Điều 31 Xây dựng báo cáo tóm tắt, báo cáo tổng kết nhiệm vụ.

3. Đối với những nội dung công việc trong hoạt động điều tra, đánh giá đất đai theo Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT và Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT không còn phù hợp, không được quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT; đề xuất loại bỏ không quy định trong định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Cụ thể như sau:

- * Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai:

- Khoản 3 Điều 21 Nhân sao tài liệu, tổ chức hội thảo;

- Khoản 4 Điều 21 Hoàn chỉnh tài liệu điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai;

- Khoản 6 Điều 21 Phục vụ nghiệm thu và bàn giao kết quả

- * Điều tra, đánh giá thoái hóa đất: các nội dung về điều tra lấy mẫu đất và phân tích mẫu đất

- * Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất:

- Khoản 6 Điều 25 Sao chuyển mạng lưới điểm điều tra lấy mẫu đất, ranh giới khoanh đất theo kết quả điều tra thực địa lên bản đồ kết quả điều tra;

- Khoản 3 Điều 27 Chồng xếp các lớp thông tin để thành lập bản đồ đất bị ô nhiễm;

- Khoản 2 Điều 28 Định hướng quản lý sử dụng đất bền vững.

4. Đối với định mức nhân công, dụng cụ lao động, tiêu hao vật liệu, tiêu hao năng lượng; sử dụng máy móc, thiết bị dùng cho phân tích mẫu được áp dụng theo các quy định đã được Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Thông tư số 50/2024/TT-BTNMT.

KẾT LUẬN

1. Kết luận

Thực hiện cụ thể hoá các quy định của Luật Đất đai năm 2013, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành các Thông tư quy định về kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai và định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai, trong đó có quy định quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh, giúp các địa phương trên địa bàn cả nước xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện công tác điều tra, đánh giá đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai, tuy nhiên đến nay trên địa bàn tỉnh Gia Lai chưa thực hiện công tác này.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2024, Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT quy định việc điều tra, đánh giá đất đai, kỹ thuật bảo vệ cải tạo, phục hồi đất, trong đó đã điều chỉnh, bổ sung, loại bỏ một số nội dung quy trình thực hiện điều tra, đánh giá đất đai cấp tỉnh. Cụ thể như sau:

- Về số bước:

+ Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai lần đầu quy định trong Thông tư 60/2015/TT-BTNMT có 7 bước; Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai quy định trong Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT có 6 bước.

+ Điều tra, đánh giá thoái hóa đất: trong Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT có 3 bước; trong Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT có 6 bước (gấp 2 lần); tên các bước thì trừ bước 1 gần giống nhau còn lại là khác nhau.

+ Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất quy định trong Thông tư 60/2015/TT-BTNMT có 6 bước; điều tra, đánh giá ô nhiễm đất quy định trong Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT có 6 bước.

- Về nội dung các bước:

+ Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai: một số nội dung của bước này trong Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT lại là một số nội dung trong bước khác của Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT.

+ Điều tra, đánh giá thoái hóa đất: do tên các bước không trùng nhau nên nội dung chi tiết thể hiện trong các bước cũng không giống nhau. Một vài nội dung của bước này trong Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT lại là một số nội dung trong bước khác của Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT.

+ Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất: một số nội dung của bước này trong Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT lại là một số nội dung trong bước khác của Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT.

- Về phạm vi điều tra:

+ Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai: cả hai thông tư số 60/2015/TT-BTNMT và số 11/2024/TT-BTNMT đối với nội dung điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai đều quy định. Tuy nhiên, quy định về diện

tích tối thiểu của khoanh đất điều tra có sự khác nhau do có thay đổi về diện tích trung bình của khoanh đất điều tra từ 60 ha (bảng 1 PL2 TT60) lên 80 ha (bảng số 01/CLĐ PL II TT11)

+ Điều tra, đánh giá thoái hóa đất: thông tư số 14/2012/TT-BTNMT, điều tra, đánh giá thoái hóa đất được thực hiện ở cấp vùng, cấp tỉnh và Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT cũng được thực hiện cho các vùng kinh tế - xã hội và cấp tỉnh. Tuy nhiên, quy định về diện tích tối thiểu của khoanh đất điều tra có sự khác nhau do có thay đổi về diện tích trung bình của khoanh đất điều tra từ 720 ha (bảng 1 PL TT14) xuống 240 ha (bảng số 01/CLĐ PL II TT11).

+ Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất: cả hai thông tư số 60/2015/TT-BTNMT và số 11/2024/TT-BTNMT đối với nội dung điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh đều quy định diện tích khoanh đất tối thiểu là 5 ha.

- Về đối tượng điều tra, đánh giá đất đai:

+ Điều tra, đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất đai: theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT đối tượng điều tra, đánh giá đất đai quy định là toàn bộ diện tích tự nhiên (trừ đất sông ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng; đất quốc phòng, an ninh và núi đá không có rừng cây); theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT đối tượng điều tra, đánh giá đất đai là toàn bộ diện tích tự nhiên (trừ đất núi đá không có rừng cây).

+ Điều tra, đánh giá thoái hóa đất: theo Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT là các loại đất nông nghiệp và đất chưa sử dụng. Đối tượng điều tra, đánh giá thoái hóa đất quy định tại Thông tư số 14/2012/TT-BTNMT là các loại đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, đất nông nghiệp khác, đất bằng chưa sử dụng và đất đồi núi chưa sử dụng;

+ Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất: theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 60/2015/TT-BTNMT đối tượng điều tra, đánh giá ô nhiễm đất quy định là các loại đất thuộc khu vực có nguồn gây ô nhiễm trên địa bàn tỉnh; theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 11/2024/TT-BTNMT đối tượng điều tra, đánh giá ô nhiễm đất cấp tỉnh là các loại đất có nguồn gây ô nhiễm, gồm: các loại đất nông nghiệp; đất chưa sử dụng (trừ đất núi đá không có rừng cây); đất được quy hoạch xây dựng khu dân cư đô thị, nông thôn.

Đồng thời, loại bỏ đối tượng điều tra là các khu vực canh tác sử dụng nhiều phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật; kho chứa thuốc bảo vệ thực vật; bổ sung quy định phân tích các chỉ tiêu Cr, Ni, Hg trong điều tra, đánh giá ô nhiễm đất.

2. Kiến nghị

Từ kết quả phân tích, đánh giá nội dung kế thừa các nội dung công việc điều tra, đánh giá đất đai có thể thấy, gần như không có nội dung nào trong tập định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá đất đai theo Thông tư số 33/2016/TT-BTNMT được giữ nguyên khi chuyển sang xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật điều tra, đánh giá chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai mà phải được điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.